

Bản án số: 426/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2023

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị C.L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lâm Thị N

2/ Bà Nguyễn Thị T

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng H– Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị L – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 498/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc” Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần T, sinh năm: 1980

Địa chỉ thường trú: C47/2 Tổ 8, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Tống Thị T, sinh năm: 1985

Địa chỉ thường trú: C47/2 Tổ 8, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 4 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ông Trần T trình bày:

Ông Trần T và bà Tống Thị T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyền số 01/2010 ngày 27/4/2010.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào khoảng sau 02 (hai) tháng từ khi kết hôn và đỉnh điểm là vào năm 2016, nguyên nhân là do bà Tống Thị T thường đi qua đêm với người lạ, thường tụ tập ăn nhậu, có hành vi không đúng đối với mẹ của Ông Trần T. Ông Trần T đã cố gắng tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Nay ông Trần T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tống Thị T.

Ông Trần T xác định, ông và bà Tống Thị T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần T xác định ông và bà Tống Thị T không có tài sản chung, không nợ chung.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là bà Tống Thị T. Tuy nhiên, bị đơn đã không có bất kỳ ý kiến nào về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân Quận 12 tiếp tục tiến hành triệu tập các đương sự tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn thường xuyên, liên tục vắng mặt không có lý do nên việc hòa giải đã không thể tiến hành. Vụ án được đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 30 tháng 3 năm 2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa Ông Trần T và bà Tống Thị T xảy ra từ năm 2016, bà Tống Thị T mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lên làm việc nhưng bà vắng mặt mà không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc ông T xin ly hôn, đã phần nào xác định bà T không còn tình cảm với ông T, không quan tâm hay có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Ông Trần T yêu cầu được ly hôn với bà Tống Thị T. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn đang cư trú tại C47/2 Tổ 8, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Tống Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án đã thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T và bà Tống Thị T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01/2010 ngày 27/4/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Trần T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Tuy nhiên, qua lời khai của Ông Trần T, thể hiện bà Tống Thị T không chăm lo cho gia đình, thường đi qua đêm với người lạ, tụ tập ăn nhậu, có hành vi không đúng đối với mẹ của ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh rõ mâu thuẫn giữa Ông Trần T và bà Tống Thị T và đã được trả lời như sau: “Vấn đề mâu thuẫn hôn nhân giữa Ông Trần T và bà Tống Thị T vẫn phòng khu phố 2 không nắm rõ do hai ông bà không có hòa giải tại khu phố”.

Tòa án không lấy được lời khai của bà Tống Thị T do bà T không đến Tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án sẽ giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc và chấp nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản do nguyên đơn đưa ra.

Từ những nhận định trên, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Ông Trần T và bà Tống Thị T xảy ra từ năm 2016 là đã gay gắt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu

khởi kiện của Ông Trần T về việc xin ly hôn với bà Tống Thị T cũng như ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Ông Trần T xác định ông và bà Tống Thị T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần T xác định ông và bà Tống Thị T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về án phí:*

Ông Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, cản trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp, Ông Trần T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T được ly hôn với bà Tống Thị T.

1.2. Về con chung: Ông Trần T khai không có.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Trần T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0023239 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên được cản trừ. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị CL